

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 05/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 03/4/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Loan

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 03/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Diệu P, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc D, sinh năm: 1971 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Diệu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Võ Ngọc D tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung, hai bên có tìm hiểu nhau trong thời gian 01 năm. Vợ chồng sống tự lập tại xã Lộc Thạnh, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, đến năm 1996 vợ chồng chuyển đến sống tại ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù bà P đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông D không thay đổi nên vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Nay bà P xin ly hôn với ông

D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con tên Lê Thị Tố Sa – sinh ngày: 28/9/1992, con tên Lê Thanh Sang – sinh ngày: 19/7/1999. Trong giấy khai sinh của con tên Sang ghi tên cha là Lê Hoài Linh, giấy khai sinh con tên Sa ghi tên cha là Lê Văn Linh là vì tại thời điểm làm giấy khai sinh ông D không có giấy chứng minh nhân dân và ông D lấy tên thường gọi là Lê Hoài Linh (tên Lê Văn Linh là bị ghi sai), đến năm 2005, ông D được cấp giấy chứng minh nhân dân lấy tên là Võ Ngọc D cho đến nay. Tên Lê Hoài Linh, tên Lê Văn Linh và tên Võ Ngọc D là cùng chung một người. Hiện nay 02 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà P không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà P và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Võ Ngọc D trình bày:

Thông nhất với bà P về quan hệ hôn nhân, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng sống hạnh phúc, ông D không có rượu chè, cờ bạc, không có đánh đập vợ, đúng là lâu lâu vợ chồng có cãi nhau nhưng không có đến mức trầm trọng, chỉ có sự việc ông D có nói chuyện với người con gái khác thì bà P ghen tuông không tin tưởng ông D mới xảy ra cãi nhau nhưng đến nay vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, ông D vẫn đi làm việc kiếm tiền để chăm lo cho bà P. Nay bà P xin ly hôn thì ông D không đồng ý ly hôn với bà P. Về con chung: có 02 con chung, con tên Lê Thị Tố Sa – sinh ngày: 28/9/1992, con tên Lê Thanh Sang – sinh ngày: 19/7/1999. Do không đồng ý ly hôn, ông D không còn có ý kiến gì về việc này. Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không đồng ý ly hôn nên không còn có ý kiến gì về việc này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà P và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Diệu P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Võ Ngọc D. Xét thấy ông D cư trú tại ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P tự nguyện sống chung với ông D từ năm 1992, có con chung và hiện nay vẫn đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng bà P và ông D vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà P và ông D thống nhất thời gian chung sống, giữa bà Xuyên và ông D phát sinh mâu thuẫn, theo bà P thì nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ông D thì không đồng ý ly hôn với bà P vì còn thương vợ con. Tại phiên tòa bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và xác định không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được ly hôn, do bà P và ông D không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nay bà P có yêu cầu ly hôn, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà P và ông D là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Trong thời gian sống chung bà P và ông D thống nhất có 02 con chung, con tên Lê Thị Tố Sa – sinh ngày: 28/9/1992, con tên Lê Thanh Sang – sinh ngày: 19/7/1999. Vì các con đã trưởng thành, bà P và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà P và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà P phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Diệu P và ông Võ Ngọc D là vợ chồng.

2/ Về con chung: 02 người con đã trưởng thành, bà P và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà P và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc bà P chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006361 ngày 02/01/2019.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Tú

